**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”**

(*Kèm theo Công văn số /STP-XDPBPL ngày 30 tháng 9 năm 2022*

*của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai*)

––––––––––––––––

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Công tác xây dựng, ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án.

2. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Đề án.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN**

1. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án

- Hoạt động biên soạn, biên dịch, phát hành các tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ; tài liệu hỗ trợ, tham khảo dành cho hòa giải viên, tập huấn viên.

- Xây dựng đội ngũtập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện.

- Xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở; củng cố, kiện toàn tổ hòa giải; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải cho đội ngũ hòa giải viên*.*

- Thực hiện chỉ đạo điểm nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở tại địa phương *(địa phương chỉ đạo điểm; các hoạt động, mô hình chỉ đạo điểm, cách làm sáng tạo…).*

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên (các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đã thực hiện, đánh giá hiệu quả mang lại trong việc nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở).

- Kinh phí thực hiện Đề án.

+ Kinh phí ngân sách nhà nước cấp.

+ Huy động nguồn lực xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở (đã thực hiện giải pháp gì để huy động sự tham gia của các cá nhân, tổ chức cho công tác hòa giải ở cơ sở).

2. Đánh giá kết quả đạt được các mục tiêu đề ra trong Đề án

- Đánh giá, phân tích, chỉ rõ mức độ đạt được, mục tiêu hoàn thành, mục tiêu chưa hoàn thành. Nguyên nhân?

- Đánh giá tác động đối với thay đổi nhận thức của hòa giải viên, từ đó tác động đến công tác hòa giải ở cơ sở.

- Đánh giá hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn:

+ Số vụ kiện dân sự ra Tòa án, số vụ việc tranh chấp ra Ủy ban nhân dân cấp xã; số vụ, việc hòa giải ở cơ sở; số vụ, việc mâu thuẫn phức tạp, tranh chấp tài sản có giá trị lớn, tranh chấp đất đai được hòa giải ở cơ sở (so sánh tăng/giảm với giai đoạn 2015-2018).

+ Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn (số vụ vi phạm pháp luật; số vụ mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ dân cư, tinh thần đoàn kết của cộng đồng dân cư…so sánh tăng, giảm với giai đoạn 2015-2018).

+ Số vụ, việc hòa giải ở cơ sở được Tòa án ra quyết định công nhận.

**III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

1. Tồn tại, hạn chế và vướng mắc.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT** *(Nêu rõ những đề xuất, kiến nghị cụ thể)./.*

**PHỤ LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU TỔNG KẾT**

**Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”**

**––––––––––––**

**1. Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Đề án**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngày, tháng, năm | Số, ký hiệu văn bản | Trích yếu nội dung |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Số liệu về tập huấn viên và kết quả hoạt động của tập huấn viên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tập huấn viên cấp tỉnh** | | | | | **Tập huấn viên cấp huyện** | | | |
| Tổng số | Số lượng được tập huấn, bồi dưỡng | Số lượng được cấp phát tài liệu | Số người đã thực hiện tập huấn cho Tập huấn viên cấp huyện | Số người đã thực hiện bồi dưỡng cho hòa giải viên ở cơ sở (nếu có) | Tổng số | Số lượng được tập huấn, bồi dưỡng | Số lượng được cấp phát tài liệu | Số người đã thực hiện bồi dưỡng cho hòa giải viên ở cơ sở |
| 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Số liệu về hòa giải viên ở cơ sở và kết quả hoạt động hòa giải**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Hòa giải viên** | | | | **Kết quả hòa giải** | | | |
|  | Số tổ hòa giải | Số lượng hòa giải viên | Số hòa giải viên được cấp phát tài liệu | Số hòa giải viên được tập huấn, bồi dưỡng | Tổng số vụ, việc tiến hành hòa giải | Số vụ, việc hòa giải thành | Số vụ, việc hòa giải không thành | Số vụ, việc được Tòa án ra quyết định công nhận |
| 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Số liệu về kết quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Mô hình tổ hòa giải hiệu quả tại địa phương** | **Tổ chức nâng cao năng lực cho tập huấn viên cấp huyện** | | | **Tổ chức nâng cao năng lực cho hòa giải viên** | | | **Biên soạn, phát hành tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ; tài liệu hỗ trợ, tham khảo** | |
| Hình thức tổ chức | Số cuộc tập huấn | Số lượt tham dự | Hình thức tổ chức | Số cuộc | Số lượt tham dự | Cho tập huấn viên | Cho hòa giải viên |
| 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**5. Kinh phí thực hiện Đề án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Kinh phí thực hiện Đề án** | |
| Nguồn ngân sách Nhà nước | Nguồn khác |
| 2019 |  |  |
| 2020 |  |  |
| 2021 |  |  |
| 2022 |  |  |